

**Phụ lục 02**

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**

**(CẦN TRỤC THÁP)**

(Cơ quan quản lý cấp trên)  
**(Tên tổ chức KĐ)**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN**  
**(CẦN TRỤC THÁP)**

Số: .....

Chúng tôi gồm:

1..... Số hiệu kiểm định viên: .....

2..... Số hiệu kiểm định viên: .....

Thuộc tổ chức kiểm định: .....

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: .....

Đã tiến hành kiểm định (Tên thiết bị): .....

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

Địa chỉ (trụ sở chính của cơ sở): .....

Địa chỉ (Vị trí) lắp đặt: .....

Quy trình kiểm định, tiêu chuẩn áp dụng: .....

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản: .....

1 ..... Chức vụ: .....

2 ..... Chức vụ: .....

## I- THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ:

- Mã hiệu: ..... - Vận tốc di chuyển xe con: ..... m/ph
- Số chế tạo: ..... - Vận tốc di chuyển máy trục: ..... m/ph
- Năm chế tạo: ..... - Tầm với thiết kế/thực tế: ..... m
- Nhà chế tạo: ..... - Chiều cao nâng móc thiết kế/thực tế: ..... m
- Trọng tải thiết kế: ..... tấn - Chiều sâu hạ móc thực tế: ..... m
- Vận tốc nâng: ..... m/ph - Trọng tải ở tầm với lớn nhất: ..... tấn
- Vận tốc quay: ..... v/ph - Công dụng: .....

## II- HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH:

Lần đầu ☐ ; Định kỳ ☐ ; Bất thường ☐

## III- NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH:

### A. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật:

| TT | Danh mục              | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|-----------------------|-----|-----------|---------|
| 1  | Lý lịch               |     |           |         |
| 2  | Hồ sơ kỹ thuật        |     |           |         |
| 3  | Hồ sơ k/cầu neo giằng |     |           |         |

| TT | Danh mục                                              | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------|-----|-----------|---------|
| 4  | Hồ sơ kết cấu móng (đường ray-nền ray)                |     |           |         |
| 5  | Hồ sơ K/cầu liên kết giữa C.Trình với đế cần trục leo |     |           |         |

### B. Kiểm tra bên ngoài; thử không tải:

- Chiều cao nâng hiện tại của cần trục tháp: .....
- Số lượng giằng neo vào công trình (hoặc vị trí đặt phần chân cần trục tháp loại neo theo công trình): .....

| TT | Cơ cấu; bộ phận | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|-----------------|-----|-----------|---------|
|    |                 |     |           |         |

| TT | Cơ cấu; bộ phận | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|-----------------|-----|-----------|---------|
|    |                 |     |           |         |

|    |                                                |  |  |  |
|----|------------------------------------------------|--|--|--|
| 1  | Móc                                            |  |  |  |
| 2  | Cáp nâng tải                                   |  |  |  |
| 3  | Cáp nâng cần                                   |  |  |  |
| 4  | Cáp di chuyển xe con                           |  |  |  |
| 5  | Cần; giằng cần                                 |  |  |  |
| 6  | Đổi trọng; ổn trọng                            |  |  |  |
| 7  | Cơ cấu nâng tải                                |  |  |  |
| 8  | Đường ray - nền ray                            |  |  |  |
| 9  | Thiết bị khống chế độ cao                      |  |  |  |
| 10 | Thiết bị hạn chế hành trình xe con             |  |  |  |
| 11 | Thiết bị hạn chế hành trình máy trục           |  |  |  |
| 12 | Hệ thống điện điều khiển, động lực, chiếu sáng |  |  |  |
| 13 | Thiết bị khống chế góc nâng cần                |  |  |  |
| 14 | Cụm pully                                      |  |  |  |
| 15 | Cabin điều khiển                               |  |  |  |
| 16 | Phanh di chuyển xe con                         |  |  |  |

|    |                                                   |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------|--|--|--|
| 17 | Cơ cấu nâng cần                                   |  |  |  |
| 18 | Cơ cấu di chuyển xe con                           |  |  |  |
| 19 | Cơ cấu di chuyển máy trục                         |  |  |  |
| 20 | Phanh nâng tải                                    |  |  |  |
| 21 | Phanh nâng cần                                    |  |  |  |
| 22 | Kết cấu kim loại tháp                             |  |  |  |
| 23 | Cơ cấu lắp dựng                                   |  |  |  |
| 24 | Neo giằng                                         |  |  |  |
| 25 | Phanh di chuyển máy trục                          |  |  |  |
| 26 | Còi chuông                                        |  |  |  |
| 27 | Tiếp đất (chống sét)                              |  |  |  |
| 28 | Thiết bị chỉ báo tầm với và tải trọng tương ứng   |  |  |  |
| 29 | Thiết bị báo tốc độ gió                           |  |  |  |
| 30 | Thiết bị báo vùng nguy hiểm, đèn báo không        |  |  |  |
| 31 | khoảng cách an toàn với các công trình xung quanh |  |  |  |
| 32 | Phanh cơ cấu quay                                 |  |  |  |

**C. Thử tải:**

| TT | Vị trí treo tải và kết quả thử | Đạt | Không đạt | Tầm với (m) |
|----|--------------------------------|-----|-----------|-------------|
| 1  | Tầm với nhỏ nhất               |     |           | R =         |
| 2  | Tầm với lớn nhất               |     |           | R =         |
| 3  | Độ ổn định                     |     |           |             |

| Trọng tải tương ứng (tấn) | Tải thử tĩnh (tấn) | Tải thử động (tấn) |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
|                           |                    |                    |
|                           |                    |                    |
|                           |                    |                    |

| TT | Đánh giá kết quả | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|------------------|-----|-----------|---------|
| 1  | Kết cấu kim loại |     |           |         |
| 2  | Phanh nâng tải   |     |           |         |
| 3  | Phanh nâng cần   |     |           |         |
| 4  | Cáp nâng tải     |     |           |         |

| TT | Đánh giá kết quả         | Đạt | Không đạt | Ghi chú |
|----|--------------------------|-----|-----------|---------|
| 5  | Phanh cơ cấu quay        |     |           |         |
| 6  | Phanh di chuyển máy trục |     |           |         |
| 7  | Phanh di chuyển xe con   |     |           |         |
| 8  | Thiết bị chống quá tải   |     |           |         |

#### IV- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thiết bị được kiểm định có kết quả: Đạt ☐ Không đạt ☐

trọng tải lớn nhất là: ..... tấn, tương ứng tầm với.... m.

2. Đã được dán tem kiểm định số: ..... Tại vị trí: .....

3. Các kiến nghị: .....

Thời hạn thực hiện kiến nghị: .....

#### V- THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Thời gian kiểm định lần sau: ngày tháng năm

Lý do rút ngắn thời hạn kiểm định (nếu có):

Biên bản đã được thông qua ngày ..... tháng ..... năm

Tại: .....

Biên bản được lập thành .... bản, mỗi bên giữ ... bản.

*Những kiểm định viên thực hiện việc kiểm định thiết bị này hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác các nhận xét và đánh giá kết quả kiểm định ghi trong biên bản./.*

**CƠ SỞ SỬ DỤNG**

*(Ký tên và đóng dấu)*

*(Cam kết thực hiện đầy đủ,  
đúng hạn các kiến nghị)*

**NGƯỜI CHỨNG**

**KIẾN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**KIỂM ĐỊNH VIÊN**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*